

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 262/2024/HSST

Ngày: 02-12- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Ái Q.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn H.

2. Bà Lê Thị Kiều T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị N, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P– tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B, Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 278/2024/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN NGỌC H, Sinh năm: 199* tại tỉnh B.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: khu phố 3, phường P, thành phố P, tỉnh B; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị Kim P. Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Lê Văn N, sinh năm 197* và Trần Thị M, sinh năm 197*. Cùng trú tại khu phố 4, phường L, thành phố P, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 05/8/2024, ông Lê Văn N (sinh năm 197*, trú tại khu phố 4, phường L, thành phố P) điều khiển xe mô tô biển số **C*-**.* đi từ nhà ở thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B đến nhà con gái ở hẻm số 52 đường P thuộc khu phố 4, phường L để đi biển. Khi tới nơi, ông N dựng xe trước nhà mà không khóa cở xe. Đến khoảng 05

giờ cùng ngày, Nguyễn Ngọc H đi lòng vòng trên các tuyến đường thuộc phường L tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến hẻm số 52 đường P thuộc khu phố 4, phường L thì phát hiện xe mô tô biển số **C*-***.** của ông N đang dựng trên lề đường, không khóa cổ xe nên H lén lút tiến lại gần xe rồi dùng tay rút dây điện phần cổ xe máy để nổ máy điều khiển xe tẩu thoát và đi tìm nơi tiêu thụ.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, bà Trần Thị M (sinh năm 197*, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B, là vợ của ông N) không thấy xe để ở nơi hàng ngày ông N vẫn để nên gọi điện thoại hỏi ông N thì ông N nói để xe ở trước cổng nhà rồi đi biển. Biết được xe mô tô biển số **C*-***.** đã bị kẻ gian chiếm đoạt nên bà M đến Công an phường L trình báo.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, trên đường điều khiển xe mô tô biển số **C*-***.** đi tìm nơi tiêu thụ, khi đi đến đoạn đường T thuộc khu phố 6, phường L, thành phố P thì Nguyễn Ngọc H bị lực lượng tuần tra của Công an phường L phát hiện, bắt giữ H cùng xe mô tô đưa về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan công an, H thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô biển số **C*-***.** của mình.

Vật chứng của vụ án:

Thu giữ từ Nguyễn Ngọc H: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển số **C*-***.**, số khung: 3908HY239220, số máy: JA39E0239254

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 189/ /KL-HĐĐG ngày 06 tháng 9 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận:

Xe mô tô biển số **C*-***.**, màu đen bạc, số khung: 3908HY239220, số máy: JA39E0239254, đã qua sử dụng, hoạt động bình thường trị giá 5.500.000 đồng.

Về dân sự: Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số **C*-***.** do bà Trần Thị M (vợ ông N) đứng tên đăng ký chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, trả lại xe mô tô biển số **C*-***.** cho ông N. Sau khi nhận lại tài sản, ông N không có yêu cầu gì về dân sự

Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số **C*-***.** là tài sản của ông Lê Văn N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trả lại cho ông N. Ông N không yêu cầu gì về dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 264 /CT – VKSPT-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo biết việc trộm cắp tài sản của người là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp hậu quả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự ; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H với mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại Lê Văn N và Trần Thị M không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự nên không buộc bị cáo phải bồi thường.

Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số **C*-***.** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trả lại cho ông Lê Văn N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo H không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với Kiểm sát viên đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời kết tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Ngọc H: sau khi phạm tội bị cáo rất ân hận về hành vi đã thực hiện mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sẽ học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an thành phố P, cũng như lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 05 giờ ngày 05/8/2024, tại hẻm 52 đường P thuộc khu phố 4, phường L, thành phố P, bị cáo Nguyễn Ngọc H đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số **C*-***.** có trị giá 5.500.000 đồng của ông Lê Văn N và bà Trần Thị M thì bị phát hiện.

Hành vi của Nguyễn Ngọc H đã thực hiện như đã nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy:

Nguyễn Ngọc H vì động cơ tư lợi cá nhân đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi này không những đã xâm phạm đến quan hệ về quyền sở hữu hợp pháp của công dân mà còn gây mất trật tự trị an địa phương. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh con bị cáo mới sinh, bị cáo có khó khăn về kinh tế nên nhất thời phạm tội. Bị cáo có địa chỉ nơi cư trú ổn định rõ ràng; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tính răn đe để bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số **C*-***.** do bà Trần Thị M là vợ ông Lê Văn N đứng tên đăng ký chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trả lại cho ông N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 02-12-2024).

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc H cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, tuyên buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02-12- 2024). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND thành phố P;
- VKSND tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- Công an thành phố P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Ái Q